

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2023.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Tấn Lộc**.

Ông **Cao Văn Vạn**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp LQ, xã L T, huyện CL, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 8, ấp 1, xã PC, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Ngọc H chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2022

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau. Từ đầu năm 2022 chị H đã bỏ nhà đi, anh và chị H đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 05/11/2014, từ khi chị H bỏ nhà đi hai con sống với anh. Nay ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên chị H không cung cấp ý kiến cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối anh T, chị H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T, xét thấy:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Ngọc H chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo anh T, anh và chị H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Chị H vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh T, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, qua đó cho thấy chị H không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống anh T và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Theo quy định tại Điều 19 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Thế nhưng giữa anh T và chị H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không chung sống với nhau đã lâu. Hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh T xin ly hôn với chị H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 05/11/2014. Xét thấy, từ lúc anh T và chị H sống ly thân cho đến nay, hai cháu T và T sống với anh T, được anh T chăm sóc tốt, hai cháu T và T có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh T. Anh T có yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con. Để đảm bảo sự ổn định và theo nguyện vọng của hai cháu T và T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao hai cháu Nguyễn Thị Huỳnh T và Nguyễn Thị Huỳnh T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh T không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 26/8/2005 và Nguyễn Thị Huỳnh T, sinh ngày 05/11/2014 cho anh Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Ngọc H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí : Anh Nguyễn Ngọc T chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0017359 ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Ngọc H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Nhơn

